

Bản án số: 76/2020/HS-ST

Ngày 18-11-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Lê Văn Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư.

Bà Nguyễn Thị Lợi.

Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 80/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn Q – sinh năm 1989, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 107 Trương Văn L, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị L; chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Quyết định số 54/QĐ - UBND ngày 14/4/2020 Ủy ban nhân dân phường H, quận H lập hồ sơ giáo dục tại phường trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 14/4/2020 đối với bị cáo do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: Tại bản án số 36/2010/HSST ngày 13/7/2010 Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 19 tháng 8 năm 2020, chuyển tạm giam ngày 25 tháng 8 năm 2020; có mặt.

2. Nguyễn Văn K, sinh năm 1972 tại Hải Phòng. ĐKKHKT: Số 4/122, đường Đ, phường Đ, quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 20H/40 Trương Văn Lực, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Nguyễn Thị N (đã ly hôn); có 01 con (đã chết); tiền sự: Không; tiền án: Tại Bản án số 160/2018/HSST ngày

19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Văn K 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Bị cáo bị tạm giữ ngày 25 tháng 4 năm 2020, chuyển tạm giam ngày 30 tháng 4 năm 2020; có mặt.

- *Bị hại*: Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1974; địa chỉ: Lô 1 DB2, khu đô thị PG A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người chứng kiến*:

Anh Nguyễn Minh T; vắng mặt.

NHẬN THẤY

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 25/4/2020 Phạm Văn Q điều khiển xe mô tô đến khu vực ngã tư Mêtrô thuộc quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng thì gặp Nguyễn Văn K đang làm xe ôm, Q rủ K đi trộm cắp cây cảnh để bán lấy tiền ăn tiêu, K đồng ý. Sau đó, Q đi về nhà cất xe mô tô, còn K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển kiểm soát 16N1 - 6247 đến đón Q, Q bảo K chờ đến khu vực chung cư PG xã An Đồng, huyện An Dương xem nhà nào có sơ hở để trộm cắp cây cảnh. Khi đi đến khu vực nhà chị Vũ Thị Thu H; trú tại: Lô 1DB2, khu chung cư P, xã A, huyện A thì Q bảo K dừng xe. K tắt máy ngồi trên xe mô tô cảnh giới còn Q xuống xe trèo lên tường rào nhà chị Hà, luồn tay qua hàng rào sắt nhổ 01 cây hoa trà, chị H trông trong chậu sành đặt ở thềm nhà, bê ra ngoài vỉa hè. Sau đó, Q bê cây hoa trà để lên yên xe, K điều khiển xe mô tô chở Q ngồi sau ôm cây hoa trà đi về hướng đường Nguyễn Văn Linh rồi rẽ vào đường mương An Kim Hải. Trên đường đi Q mượn điện thoại của K gọi điện cho Nguyễn Xuân V ở thôn K, xã H, huyện A gạ bán cây. Q không nói cho V biết đây là cây do Q trộm cắp mà có, V bảo Q cầm cây xuống nhà để V xem. Khi K và Q đến khu vực thôn Văn Phong, xã Đồng Thái, huyện An Dương do sợ bị phát hiện nên Q bảo K dừng xe, Q bê cây hoa trà giấu vào bụi cây ven đường. Sau đó, Q bảo K chở sang nhà V ở thôn K, xã H, huyện A để gạ bán cây. Khi K và Q đi đến khu vực Cầu Đen thuộc địa phận xã Đ, huyện An thì gặp V điều khiển xe mô tô đi ngược chiều. Q nói với V "Em có cây hoa trà, anh mua không, V nói" mang xuống nhà anh xem". Sau đó V điều khiển xe mô tô đến khu vực cây xăng Bắc Hà thuộc địa phận xã B, huyện A để lấy ốc về bán. Q bảo K quay lại chỗ cất giấu cây trước đó, lấy cây hoa trà chở sang nhà V. Khi K và Q đi đến khu vực xã H, huyện A thì bị tổ công tác Công an xã H phát hiện, K bị bắt giữ cùng vật chứng còn Q bỏ chạy thoát.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 25/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Dương kết luận: 01 cây hoa trà chiều cao khoảng 1,35m đường kính gốc khoảng 0,15m từ gốc cây lên 0,3m có 3 cành, lên tiếp 0,5m mới có 01 tán rộng, đường kính tán rộng nhất là 01m, K chiếm đoạt của chị H trị giá là 2.500.000đ.

Ngày 21/7/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A kết luận điều tra. Ngày 07/8/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương truy tố Nguyễn Văn

K về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Ngày 19/8/2020 Q đến Công an quận Hồng Bàng đầu thú về hành vi cùng đồng bọn cướp giật 01 điện thoại của anh Hoàng Mạnh Thắng xảy ra trên địa bàn quận Hồng Bàng vào ngày 18/4/2020, đồng thời khai nhận hành vi trộm cắp tài sản cùng với Nguyễn Văn K. Ngày 27/8/2020 Tòa án nhân dân huyện An Dương đã có Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Tại Cáo trạng số 80/CT - VKSAD ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương truy tố các bị cáo Phạm Văn Q và Nguyễn Văn K về tội: “ Trộm cắp tài sản ” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu. Các bị cáo khai nhận ngày 25 tháng 4 năm 2020, tại lô 1 DB2, khu đô thị PG An Đồng, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Phạm Văn Q và Nguyễn Văn K đã có hành vi cùng đồng bọn lén lút chiếm đoạt 01 cây hoa trà của chị Vũ Thị Thu H.

Sau phân xét hỏi công khai tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát thực hành Q công tố tại phiên toà trình bày lời luận tội đối với bị cáo. Qua quan điểm phát biểu Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về vai trò trong vụ án: Bị cáo Phạm Văn Q là người khởi xướng, là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản của chị Vũ Thị Thu H nên vai trò của bị cáo là cao nhất trong vụ án; bị cáo Nguyễn Văn K là người thực hiện việc phạm tội với vai trò giúp sức, nên vai trò của bị cáo K thấp hơn so với vai trò của bị cáo Q, nhưng lần phạm tội này của bị cáo K thuộc trường hợp tái phạm nên đề nghị mức hình phạt của bị cáo Q và bị cáo K là ngang nhau.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn Q từ 12 - 15 tháng tù về tội: “ Trộm cắp tài sản ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 12 - 15 tháng tù về tội: “ Trộm cắp tài sản ”.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại 01 cây hoa trà chiều cao cây khoảng 1,35m, đường kính gốc khoảng 0,15m, đường kính tán rộng nhất 01m cho chị Vũ Thị Thu H. Đối với chiếc xe mô tô Sirius biên kiểm soát 16N1-6247, quá trình điều tra xác định là tài sản của bà Nguyễn Thị L là mẹ của bị cáo K, cho bị cáo K mượn để làm phương tiện đi lại. Bà Lương không biết K sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả cho bà Lương quản lý, sử dụng. nên không xem xét giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Đối với chiếc điện thoại của bị cáo K, bị cáo Q sử dụng để gọi điện cho Nguyễn Xuân V để bán cây. Q đã đánh rơi trên đường đi, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương đã thông báo tìm kiếm nhưng chưa thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Vũ Thị Thu H đã nhận lại tài sản và không yêu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

Trong vụ án này còn có đối tượng Nguyễn Xuân V có hành vi đồng ý mua tài sản do các bị cáo K và Q trộm cắp được nhưng V chưa mua được tài sản và không biết tài sản đó do Q và K trộm cắp được nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Khi nói lời nói sau cùng, các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Văn K đã ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về chứng cứ xác định có tội:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và người chứng kiến, phù hợp với bản kết luận định giá tài sản ngày 25 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Dương và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận các bị cáo đã có hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt 01 cây hoa trà của chị Vũ Thị Thu H vào ngày 25 tháng 4 năm 2020. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" vi phạm Điều 173 Bộ luật hình sự như kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương là có căn cứ pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm hại đến Q sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu ở địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội do cố ý nên phải xử phạt nghiêm khắc cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

- Xét tình tiết định khung hình phạt:

[4] Tài sản các bị cáo chiếm đoạt của chị Vũ Thị Thu H có trị giá 2.500.000 đồng nên hành vi của các bị cáo đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

[5] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng; hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an xã hội, gây nên tâm lý lo ngại trong nhân dân. Chính vì vậy, đối với hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

- Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[6] Bị cáo Phạm Văn Q không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự, tuy nhiên bị cáo có 01 tiền án đã được xóa án tích và có 01 tiền sự chưa được xóa thể hiện bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo Nguyễn Văn K có 01 tiền án chưa được xóa án nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[7] Xét thấy sau khi phạm tội tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Thành khẩn khai báo" theo quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Q đã đầu thú khai nhận về hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về phân hóa vai trò

[8] Bị cáo Phạm Văn Q là người khởi xướng, rủ bị cáo Nguyễn Văn K đi trộm cắp tài sản và là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản của bị hại nên vai trò của bị cáo là cao hơn so với bị cáo Nguyễn Văn K. Bị cáo Nguyễn Văn K là người thực hiện việc phạm tội với vai trò giúp sức, nên vai trò của bị cáo K thấp hơn so với vai trò của bị cáo Q.

- Về mức hình phạt:

[9] Như đã nhận định ở mục [8], tuy bị cáo Q có vai trò cao hơn so với bị cáo K nhưng bị cáo Q không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự còn bị cáo K phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo là ngang nhau.

[10] Về xử lý vật chứng trong vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại 01 cây hoa trà chiều cao cây khoảng 1,35m, đường kính gốc khoảng 0,15m, đường kính tán rộng nhất 01m cho chị Vũ Thị Thu H. Đối với chiếc xe mô tô Sirius biển kiểm soát 16N1-6247, quá trình điều tra đã xác định là tài sản của bà Nguyễn Thị Lương là mẹ của K, cho K mượn để làm phương tiện đi lại. Bà Lương không biết K sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả cho bà Lương quản lý, sử dụng là có căn cứ.

- Về những vấn đề khác:

[11] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5, Điều 173 Bộ luật hình sự, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Xét bản thân các bị cáo không có việc làm ổn định, gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Chị Vũ Thị Thu H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[13] Đối với đối tượng Nguyễn Xuân V có hành vi đồng ý mua tài sản do K và Q trộm cắp được nhưng Vỹ chưa mua được tài sản và không biết tài sản đó do các bị cáo Phạm Văn Q và Nguyễn Văn K trộm cắp được nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[14] Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn Q và Nguyễn Văn K phải nộp án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 259, 260 và 326 Bộ luật Tố tụng Hình sự,

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điều 17, 38 và 58 điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn Q 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày 19 tháng 8 năm 2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điều 17, 38 và 58 điểm s, khoản 1 Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày 25 tháng 4 năm 2020.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo Phạm Văn Q và Nguyễn Văn K.

Về án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 135 và khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Phạm Văn Q và Nguyễn Văn K mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo có Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có Q kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Công an huyện An Dương;
- Sở Tư pháp HP; Phòng PV06, PC10

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Chỉ cục THADS huyện An Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lê Văn Tươi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Thư Nguyễn Thị Lợi

Lê Văn Tươi

